

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật

Hoàng Chí Bảo^(*)

Tóm tắt: Trên cơ sở tìm hiểu nguồn gốc hình thành, những tác nhân chi phối và nhất là làm rõ bản chất, đặc điểm Nhà nước Dân chủ - Pháp quyền - Nhân văn (nhân nghĩa) Việt Nam theo Tư tưởng - Đạo đức - Phong cách Hồ Chí Minh, bài viết góp phần giúp độc giả nhận thức được sự hình thành và phát triển những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phong cách Hồ Chí Minh, Nhà nước, Pháp luật, Việt Nam

Abstract: By exploring the formation process, influencing factors and most remarkably, clarifying the nature and characteristics of the Democratic State - the Rule of Law - Humanities (humanism) following Ho Chi Minh's Thoughts, Ethics and Lifestyle, the article contributes to raising awareness about the formation and development of President Ho Chi Minh's thoughts on State and Law.

Keywords: Ho Chi Minh's Thoughts, Nguyen Ai Quoc, President Ho Chi Minh, Ho Chi Minh's Lifestyle, State, Law, Vietnam

1. Tổng quan lý luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật là một trong những nội dung cốt yếu của tư tưởng chính trị, đường lối chính trị của Người, gắn liền *chính thể* với xây dựng *bộ máy chính quyền* nhà nước, với xây dựng *hệ thống pháp luật* để quản lý Nhà nước và xã hội, với đào tạo *đội ngũ công chức* chuyên nghiệp có kỷ luật công vụ nghiêm minh, đạo đức công chức tận tụy, trách nhiệm phục vụ Nhân dân, trong sạch, liêm khiết, giữ được *tín tâm* trong lòng dân.

Người chủ trương một đường lối chính trị dân chủ, phấn đấu không mệt mỏi nhằm xây dựng thể chế dân chủ pháp quyền để thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ đích thực của Nhân dân, thấm nhuần nguyên tắc: bao nhiêu lợi ích thuộc về dân, bao

hiều quyền hành cũng là của dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước thật trong sạch, thật liêm chính, thật sự vì *Dân*. Nhân dân là chủ thể gốc của quyền lực, chủ thể ủy quyền phải phát huy được vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình để kiểm soát quyền lực, làm cho quyền lực không bị tha hóa, biến dạng.

Người đòi hỏi phải ra sức thực hành dân chủ cùng với tăng cường đoàn kết và xiết chặt kỷ luật, kỷ cương, Nhà nước pháp quyền phải thượng tôn pháp luật, “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Cùng với pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thường xuyên chú trọng đến đạo đức, giáo dục và thực hành đạo đức cho đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức trong các cơ quan công quyền, trong các mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân, giữa công chức với công dân. Trong nhiều năm ở cương vị người đứng đầu

^(*) GS.TS., Hội đồng Lý luận Trung ương.

Chính phủ và Nhà nước, Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc sự kết hợp đức trị với pháp trị trong quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Suy rộng ra, đó là văn trị như nhận xét của Giáo sư Vũ Khiêu. Đó là văn hóa, từ văn hóa đạo đức, văn hóa pháp luật đến văn hóa chính trị, kết tinh ở văn hóa dân chủ. Dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc. Mục đích tối cao của Nhà nước và Pháp luật là vì dân, phục vụ dân, phát huy vai trò của dân trong xây dựng và bảo vệ chế độ. Đảng lãnh đạo và cầm quyền, bao gồm cả lãnh đạo xã hội và lãnh đạo Nhà nước cũng vì dân, ngoài việc phấn đấu cho quyền lợi của dân, Đảng và Nhà nước không có mục đích nào khác.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, để Nhà nước thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân phải trên cơ sở đường lối chính trị đúng đắn và sáng suốt của Đảng mà xây dựng Nhà nước đồng bộ về các mặt: *thể chế* (Hiến pháp và hệ thống luật pháp), *thiết chế* (hệ thống bộ máy của Nhà nước từ Trung ương tới địa phương và cơ sở như Đảng Cộng sản Việt Nam nhân mạnh hiện nay là tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả), *cơ chế, chính sách và các chế tài* cần thiết, đủ mạnh, tạo động lực phát triển. Các chính sách phải nhất quán với mục tiêu con người, tức là giải phóng mọi tiềm năng của dân, chăm lo bồi dưỡng sức dân, phát triển sức dân lại phải tiết kiệm sức dân. Người trừ tính phải tiến tới giảm dần sự đóng góp của dân, nhất là nông dân. Chính sách an dân, khuyến dân hướng vào dân sinh, dân trí, dân quyền và dân chủ. Đó là đạo lý và đạo nghĩa lớn nhất của chính phủ liêm chính, nhằm bảo đảm cho luật pháp, chính sách được thực hiện và nghiêm trị những biểu hiện vi phạm luật pháp, chính sách, làm suy yếu chính thể và gây tổn hại tới lợi ích và quyền làm chủ của dân, nhất là tệ quan liêu, lãng phí, tham ô, tham nhũng. Đây là những đối lập với dân chủ, gây phản cảm xã hội lớn nhất trong dân chúng.

Mấu chốt của vấn đề sức mạnh nhà nước còn nằm ở *các nguồn lực* được đầu

tư cho phát triển mà quan trọng, quyết định nhất là *nguồn nhân lực nhà nước*. Đó là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức được đào tạo, được bố trí vào các vị trí việc làm hợp lý nhất, được giáo dục, huấn luyện thường xuyên để tận tâm tận lực với công việc, tận tụy miễn cưỡng vụ dân đi liền với tính chủ động, sáng tạo, có đủ đức đủ tài, thực đức thực tài mà đức là gốc. Đội ngũ này phải thường xuyên được kiểm tra, giám sát, đánh giá bởi người dân, được kiểm soát, sàng lọc để cái tốt được phát huy, cái xấu, cái hư hỏng phải được loại bỏ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, phải *tẩy sạch* lãng phí, quan liêu, *tẩy sạch* chủ nghĩa cá nhân, trừng trị tất cả những kẻ bất liêm, bất kể là ai, làm gì, ở cương vị nào. Phải cư xử, ăn ở với dân như vậy *mới được lòng dân, không làm điều gì trái ý dân*.

Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và công chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm và sự gương mẫu của người lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu một địa phương, một cơ quan, công sở. *Đoàn kết* phụng sự Tổ quốc và Nhân dân, *cộng đồng trách nhiệm, trung thực, khiêm tốn, giản dị, kính trọng, lễ phép với Nhân dân* phải được đề cao trong mọi hoạt động, mọi mối quan hệ giữa con người với công việc. Phải thường xuyên đổi mới, dựa vào sự đóng góp, giúp đỡ của Nhân dân mà đổi mới, san bằng mọi khó khăn, trở ngại của những thói quen cũ, lạc hậu, lỗi thời, xây dựng cái mới tiến bộ, phát triển để hợp với lòng dân, thuận theo ý dân, tạo ra sự bền vững thực chất của dân chủ - đoàn kết - đồng thuận, làm cho Ý Đảng - Lòng Dân - Phép Nước là một khối thống nhất, trở thành sức mạnh tổng hợp xây dựng xã hội văn minh trên nền tảng dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và bình đẳng được thực hiện.

Đó là những ý tưởng lớn, chủ đạo, nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật. Người đã thực sự đặt

nền móng cho Nhà nước dân chủ - pháp quyền - nhân nghĩa của Việt Nam. Những tư tưởng của Người hợp thành thiết kế lý luận cho xây dựng nền dân chủ và nhà nước dân chủ pháp quyền Việt Nam trong thời đại mang tên Người - Thời đại Hồ Chí Minh, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về Nhà nước và Pháp luật, là tài sản tinh thần quý báu được gìn giữ, bảo vệ và phát huy trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay, hướng tới phát triển nhanh và bền vững, để hiện đại hóa đất nước.

Để nhận thức được sự hình thành và phát triển những tư tưởng đó của Người cần phải tìm hiểu nguồn gốc hình thành, những tác nhân chi phối và nhất là làm rõ bản chất, đặc điểm Nhà nước Dân chủ - Pháp quyền - Nhân văn (nhân nghĩa) Việt Nam theo Tư tưởng - Đạo đức - Phong cách Hồ Chí Minh.

2. Nguồn gốc hình thành và những tác động lịch sử tới tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật được hình thành từ những nguồn gốc nào và đâu là nhân tố trực tiếp, chủ yếu, có vai trò quyết định đối với quá trình hình thành và phát triển tư tưởng đó của Người? Cần phải làm rõ những tác nhân lịch sử và lý luận đó để hiểu vì sao trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước, cứu dân 30 năm (1911-1941), trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là trong 24 năm liên làm Chủ tịch Chính phủ và Chủ tịch nước (1945-1969), Người lại đặc biệt quan tâm tới xây dựng chính thể cộng hòa dân chủ, tới mối quan hệ giữa dân chủ với pháp luật, tới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kết hợp giữa giáo dục với kiểm tra, kiểm soát cán bộ, phát hiện kịp thời những khiếm khuyết

trong bộ máy và quản lý để kiên quyết thay đổi, “phê bình và sửa chữa”, làm cho *thể chế đúng, bộ máy mạnh, pháp luật nghiêm và cán bộ tốt* để phục vụ dân và phát triển đất nước mạnh giàu, cường thịnh.

Có những ngọn nguồn vừa sâu xa, vừa trực tiếp tác động tới sự hình thành tư tưởng về Nhà nước và Pháp luật của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sau đây:

Thứ nhất, tình cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân sống trong cảnh bị đọa đày, đau khổ dưới ách thống trị của đế quốc thực dân, phong kiến đã sớm thôi thúc Người tìm đường giải phóng, theo đuổi khát vọng Tự do - Công bằng - Bình đẳng cho nhân dân mình.

Trong hoàn cảnh nước nhà mất độc lập chủ quyền và người dân phải sống trong tình cảnh nô lệ, từ lúc còn niên thiếu đến khi trưởng thành ở tuổi thanh niên, Người đã sớm tỏ rõ sự hoài nghi những ngôn từ đẹp đẽ “Tự do, bình đẳng, bác ái” của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Người đã nung nấu đi tìm sự thật ẩn sau những châm ngôn đó, ngay trong thực tại đang diễn ra trên quê hương, xứ sở mình.

Người quan sát và chứng kiến trực tiếp những bất công, ngang trái mà đồng bào mình phải chịu đựng. Sự kiện nông dân ở miền Trung biểu tình, phản đối sưu cao thuế nặng của chính quyền thực dân phong kiến, sự đàn áp của những kẻ thống trị nhân danh công lý đối với những người dân vô tội, trước máu đổ của đồng bào đã thức tỉnh Nguyễn Tất Thành và thúc đẩy người thanh niên 21 tuổi phải dấn thân tranh đấu tìm con đường giải phóng cho dân, cho nước.

Vậy là, thực tiễn xã hội - lịch sử của đất nước, dân tộc và nhân dân đã là *ngọn nguồn khởi phát* đầu tiên hình thành lý tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành. Tổ quốc phải độc lập, dân tộc phải tự do và nhân dân phải có hạnh phúc. Đó vừa là khát vọng, vừa là ý chí nuôi dưỡng tư tưởng và

hành động của Người, để từng bước trong cuộc sống lao động “vô sản hóa”, trong đấu tranh, hòa mình vào quần chúng bị áp bức ở khắp mọi nơi, Nguyễn Ái Quốc định hình quan điểm và đường lối cũng như phương pháp cách mạng sau này.

Thứ hai, tội ác của thực dân, của tư bản đế quốc gây ra đối với đồng bào và đối với nhân dân các nước thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đã chứng kiến, đã nghiên cứu và khảo sát đem lại cho Người những nhận thức mới, đã củng cố niềm tin và quyết tâm tranh đấu.

Nghề thủy thủ đưa Người đến nhiều nơi, quan sát nhiều sự kiện và tình huống, dần thân vào lao động chân tay lam lũ, cực nhọc giúp Người thấu hiểu con người và cuộc sống cần lao, số phận của những người nô lệ, dù khác màu da, ngôn ngữ nhưng cùng chung cảnh ngộ, cùng có khát vọng tự do, cùng có một nhu cầu bức xúc phải được giải phóng và tự giải phóng lấy mình bằng sức mạnh của đoàn kết và tình hữu ái giai cấp.

Quan sát tượng Nữ thần Tự do trên đất Mỹ, trực tiếp lăn lộn trong phong trào thợ thuyền và công nhân trên chính đất Pháp, nơi đã sản sinh ra những tư tưởng dân chủ và nhân quyền, dân quyền cao quý nhưng cũng lại phản bội những tư tưởng cao quý đó bằng việc xâm lược thuộc địa, bóc lột và đàn áp người lao động từ chính quốc tới các thuộc địa... đã cung cấp chất liệu thực tế cho Nguyễn Ái Quốc rút ra những kết luận chính trị quan trọng nhất về bản chất của chế độ thực dân và tính tất yếu của cách mạng giải phóng. Công lý, pháp luật, dân chủ và quyền sống của con người là những câu hỏi lớn đặt ra cho tư duy của Nguyễn Ái Quốc về Nhà nước và bằng con đường nào để tạo dựng thể chế nhà nước bảo vệ những quyền cơ bản của con người.

Thứ ba, Văn kiện chính trị - pháp lý đầu tiên gồm tám điều ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Versailles năm 1919

đòi quyền tự do độc lập cho Việt Nam, đòi những quyền tự do dân chủ của con người và đặc biệt đòi ban hành các đạo luật thay thế cho chế độ ra sắc lệnh là một bước ngoặt đối với sự hình thành tư tưởng của Người về Nhà nước và Pháp luật.

Việc không có hồi âm và cách hành xử của bọn đế quốc thực dân trên đất Pháp, nhất là sự kiểm soát gắt gao của toàn quyền Đông Dương cùng với mạng lưới cảnh sát Pháp về hành tung chính trị của Nguyễn Ái Quốc càng khiến Người ý thức rõ về bản chất nhà nước và pháp luật tư sản, càng củng cố ở Người về lập trường tranh đấu. Từng bước một, Người nhận rõ, vấn đề Nhà nước và Pháp luật cũng như dân chủ và quyền dân chủ của con người chỉ có thể được giải quyết trên tiền đề chính trị tự do và khẳng định độc lập chủ quyền dân tộc. Cách mạng giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân là con đường và phương thức giải quyết vấn đề đó.

Thứ tư, tiếp cận tư tưởng Lenin về quyền tự quyết của các dân tộc và con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa, năm 1920 cùng với tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 - một cuộc cách mạng đến đích và đem lại dân chủ cho đa số quần chúng trong chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã định hình tư tưởng chính trị về Nhà nước và Pháp luật của Hồ Chí Minh sau này.

Bản án chế độ thực dân Pháp, năm 1925 là một công trình nghiên cứu lịch sử - lý luận viết bằng tiếng Pháp sau khi Người đã đến nước Nga, đã trực tiếp nhận thấy từ nước Nga Xô Viết xã hội chủ nghĩa “hình ảnh tương lai” của Việt Nam là một tác phẩm mác xít có tầm cỡ của Người. Đây là lời tuyên bố pháp lý, thực sự là bản tuyên án chủ nghĩa thực dân của Nguyễn Ái Quốc, để 20 năm sau, với Tuyên ngôn Độc lập (ngày 02/9/1945), khai sinh chế độ dân chủ cộng hòa ở Việt Nam, bản án đã được thi hành,

đã cáo chung chế độ thực dân ở Việt Nam trong một thế kỷ.

Thứ năm, vụ án Tổng Văn Sơ ở Hồng Kông và việc Luật sư Francis Henry Loseby bênh vực Nguyễn Ái Quốc (đem nhân cách chính trực của mình bảo vệ công lý) và giải thoát cho Người đã để lại ấn tượng cực kỳ sâu sắc trong cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc¹. Bên thềm Cách mạng Tháng Tám, mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943, Nguyễn Ái Quốc lại bị bắt ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bị chế độ Tưởng Giới Thạch đầy đọa suốt 14 tháng liền, giải đi qua 30 tù ngục và sống trong hoàn cảnh tồi tệ, phi nhân nhất... là trường học thực tế cho Người thêm một lần hiểu rõ vấn đề Nhà nước và Pháp luật, thẩm giá giá trị và ý nghĩa của tự do, dân chủ và nhân quyền. Những thực tế về cảnh ngộ và thân phận người tù được Người giải bày trong Ngục trung nhật ký với 133 bài thơ viết bằng chữ Hán đã cho ta cảm nhận đầy đủ khát vọng tự do và nỗi đau khổ lớn khi mất tự do của Người như thế nào.

Thứ sáu, thực tế xây dựng chính quyền cách mạng, những hình thức phân phối, mầm móng của chế độ mới, thể chế mới từ những ngày sục sôi khởi nghĩa, tình thế và thời cơ cách mạng chín muồi ở căn cứ địa Việt Bắc, Hội nghị Quốc dân Đại hội Tân Trào cho đến Tuyên ngôn Độc lập và xây đắp nền móng chế độ cộng hòa dân chủ từ ngày 02/9/1945 đến ngày 19/12/1946 khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ... đã là một giai đoạn lịch sử vô cùng quan trọng, đánh dấu tính hiện thực của Nhà nước và Pháp luật dân chủ - pháp quyền do Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế đi liền với hành động, với những sáng tạo đặc sắc trong lý luận và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh. Tiêu biểu nhất của giai đoạn lịch sử này là: chương

trình hành động của Việt Minh với lời kêu gọi toàn quốc đồng bào đoàn kết, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền, *Tuyên ngôn Độc lập*, sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ lâm thời (ngày 03/9/1945), chỉ đạo soạn thảo Hiến pháp đầu tiên và Tổng tuyển cử cuộc bầu Quốc hội (ngày 06/01/1946), cải tổ Chính phủ Liên hiệp nhiều đảng phái, Nhà nước dân chủ của dân, do dân, vì dân chuẩn bị khẩn trương cho công cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập, những sắc lệnh đầu tiên về thanh tra chính phủ, về bộ máy và công chức, những tác phẩm dưới dạng báo chí chỉ đạo các công việc cần kíp của Chính phủ, “Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà”, “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”... Người phê phán những biểu hiện lạm dụng quyền lực, cậy thế, cậy quyền đối với dân, những thói xấu quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, những kiêu dũng người theo cánh hẩu, tư túng, bè phái, đim người tài đức, chỉ thích dùng những kẻ kém hơn mình để dễ bề sai khiến, những thói xu nịnh, bợ đỡ vừa xa lạ với tư cách người cách mạng, vừa xa lạ với dân chủ, không xứng đáng là công bộc, đầy tớ trung thành của nhân dân. Đó là những chứng bệnh phát sinh của Nhà nước, của công chức có chức có quyền nhưng đã sớm hư hỏng, tha hóa.

Trong những giờ phút khẩn trương, bận bịu công việc, trong lúc vận nước “ngàn cân treo sợi tóc”, thù trong giặc ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dồn không ít tinh lực, nỗ lực cho việc xây dựng luật pháp, ban hành chính sách, củng cố bộ máy chính quyền và chú trọng dân chủ - pháp luật. Đáng lưu ý ở giai đoạn này là tác phẩm “Quốc lệnh” của Người, dùng luật pháp nghiêm trị tội ác phản dân, hại nước (năm 1946). Giai đoạn 1945-1946 dù rất ngắn nhưng lại hết sức nổi bật và điển hình cho *tư tưởng và thực hành tư tưởng dân chủ - pháp quyền, Nhà nước và Pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh*.

Thứ bảy, thực tế trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại

¹ Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chính trị cốt ở đoàn kết và thanh khiết”. Đó là cơ sở đạo đức của một nền chính trị, một Nhà nước vì dân.

(1946-1954) và chống đế quốc Mỹ can thiệp vào miền Nam, gây chiến tranh phá hoại hủy diệt miền Bắc (1954-1975), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện tối đa cho cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam... cho đến khi Người qua đời. Điều này đã thể hiện tập trung nhất tư tưởng dân chủ - pháp quyền, xây dựng chế độ nhà nước, cải cách hành chính, tư pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như nỗ lực của Người trong rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Đó cũng là sự thể hiện rõ rệt nhất về sự kết hợp đức trị với pháp trị của Người trong hoạt động quản lý nhà nước. Những sự kiện in đậm dấu ấn Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ này là:

- Viết các tác phẩm quan trọng *Sửa đổi lối làm việc* và *Đời sống mới* (năm 1947), *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* (năm 1948), *Dân vận* (năm 1949), *Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, lãng phí, tham ô* (năm 1952) - một khẩu hiệu mà cô đúc cả một đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ mới.

- Vụ án tử hình Trần Dụ Châu (năm 1950) - vụ án tham nhũng lớn trong quân đội và trừng phạt ở mức cao nhất một cán bộ cao cấp mà hư hỏng. Mười bốn năm sau, vào năm 1964, Người lại phải đau đớn y án tử hình một cán bộ cao cấp khác - Trương Việt Hùng, Thứ trưởng Bộ Canh nông (Bộ Nông nghiệp).

- Chỉ đạo xây dựng Hiến pháp năm 1959 và nhiều đạo luật quan trọng khác, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959.

- Viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (1958) và *Thường thức chính trị* (những năm 1950), trong đó đề cập kỹ lưỡng về đạo đức và pháp luật, nhắc nhở cán bộ, đảng viên, công chức phải dân chủ chứ không được “quan chủ”, phải là đầy tớ

trung thành của dân chứ không được “lên mặt quan cách mạng”.

- Ra sức cải cách bộ máy, cải cách hành chính và tư pháp (Tòa án và Viện Kiểm sát), yêu cầu sắp xếp lại bộ máy và chấn chỉnh đội ngũ cán bộ (Xem: *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12, 2011: 499)¹.

- Liên hệ mật thiết với dân chúng, chỉ tính riêng trong khoảng mười năm cuối đời, Người đã 700 lần đi công tác cơ sở, kiểm tra, uốn nắn tình hình. Vào cuối đời, Người càng đặc biệt chú ý tới đạo đức và đoàn kết.

- Kết tinh tất cả Tư tưởng - Đạo đức - Phong cách của Người là bản *Di chúc* 1.000 từ, trong đó nhấn mạnh Đảng cầm quyền phải thật trong sạch, phải tập trung chính đốn lại Đảng, phải chú trọng các chính sách xã hội “đầu tiên là công việc với con người”...

Đó là những sự kiện, những nhân tố nổi bật về thực tiễn - lịch sử tác động tới sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật.

Ngoài ra, còn phải nói đến thực tiễn hoạt động chính trị của Người trên cương vị người đứng đầu Đảng và Nhà nước với nhiều chuyến thăm các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, từ năm 1955 đến năm 1969. Người đã hội đàm và trả lời nhiều cuộc phỏng vấn quan trọng, đã nghiên cứu kinh nghiệm các nước trong lĩnh vực Nhà nước và Pháp luật. Nhân tố này cũng góp phần vào sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người về Nhà nước, về pháp luật, nhất là *xây dựng Hiến pháp, mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chất lượng đội ngũ công chức, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, với Nhân dân, thực hành dân chủ và chống quan liêu tham nhũng trong hệ thống công quyền*...

¹ Sau này khi đã là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Hồ Chủ tịch đã mời vợ chồng Luật sư Francis Henry Loseby sang thăm Việt Nam, đón tiếp thân tình, tỏ lòng biết ơn sâu sắc ân nhân của mình.

Cùng với những nhân tố *thực tiễn - lịch sử* đó, vai trò của *lý luận, nghiên cứu lý luận*, nhất là các học thuyết chính trị - pháp lý mà Người tích lũy được đã tác động tới tư tưởng của Người trong vấn đề Nhà nước và Pháp luật. Tiêu biểu là:

- Người nghiên cứu thấu đáo học thuyết đức trị của Khổng Tử và Khổng giáo, các quan điểm pháp trị của Hàn Phi, các triết lý nhân sinh của Lão Tử và các di sản tư tưởng phương Đông.

- Người đặc biệt chú trọng tổng kết các cuộc cách mạng tư sản điển hình, trong đó có vấn đề Nhà nước và Pháp luật, Dân chủ - Pháp quyền và Nhân quyền từ các bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ năm 1776 và của Cách mạng tư sản Pháp (năm 1789, 1791) về nhân quyền và dân quyền để khi viết “Tuyên ngôn Độc lập”, Người nhấn mạnh tới quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của *con người và quyền bình đẳng các dân tộc*¹.

Người đánh giá cao “Học thuyết Tam dân” của Tôn Trung Sơn và cho rằng, có thể áp dụng cho Việt Nam, kế thừa hạt nhân hợp lý trong “Ba chủ nghĩa” của Tôn tiên sinh để xác lập ba giá trị cho Việt Nam Độc lập - Tự do - Hạnh phúc - Người đã nghiên ngẫm “Tam quyền phân lập” của Montesquieu, “Khế ước xã hội” của Jean Jacques Rousseau để cân nhắc và quyết định vấn đề chính thể cộng hòa dân chủ, các mục tiêu dân chủ, công bằng, bình đẳng ở Việt Nam trong thiết kế bộ máy nhà nước, trong xây dựng pháp luật và tiêu chuẩn công chức.

Đặc biệt quan trọng là Người nghiên cứu, tiếp thu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Marx-Lenin vào Việt Nam, xây dựng Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân gắn liền với tính dân tộc và tính nhân

dân, xây dựng pháp luật để thực thi và bảo vệ quyền công dân, quyền con người, phục vụ đa số Nhân dân lao động, xây dựng nền dân chủ hội chủ nghĩa với nguyên tắc và chế độ tập trung dân chủ hay dân chủ tập trung.

Lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân Marx-Lenin, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười và *thời đại mới*, quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, là nhân tố *trực tiếp, quan trọng và quyết định* sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật. Ở đây, có hai điểm cần nhấn mạnh:

Một là Người là nhà mác xít nhưng không biệt phái, giáo điều mà hết sức sáng tạo và hiện đại, có bản lĩnh đổi mới và hội nhập để phát triển theo quy luật *tiếp biến văn hóa để tích hợp và nâng cao* tư tưởng, chủ kiến, chủ thuyết riêng của mình về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.

Hai là vai trò vô cùng quan trọng thuộc về *nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh*, nhà tư tưởng, nhà tổ chức thiên tài, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ và Nhà nước Việt Nam. Đó không chỉ là năng lực trí tuệ mà còn là đạo đức cách mạng, là sự dấn thân và hy sinh của Người, là kiêu mẫu của động cơ, mục đích vì *nhân dân, vì dân tộc và nhân loại*, nêu cao bản lĩnh “giữ chủ nghĩa cho vững” và “ít lòng tham muốn về vật chất”², đứng ngoài vòng danh lợi, tuyệt đối không màng danh lợi, chỉ một lòng một dạ vì Dân, vì Nước.

Đó còn là *phông văn hóa rộng rãi và kinh nghiệm sống phong phú, trải nghiệm qua mọi tình huống hiểm nguy, giữ vững niềm tin chân lý và suốt đời hy sinh phấn đấu*, thực hành đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

¹ Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết nhiều tác phẩm đặc sắc, trong đó có bài báo nổi tiếng tựa đề chỉ có một chữ “nhiều” để phê phán tình trạng công kênh, rườm rà, tầng nấc trong bộ máy nhà nước và lãng phí nhân lực phải kiên quyết sửa chữa.

² Xem: Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, ngày 02/9/1945.

Bởi thế, Người không chỉ thiết kế lý luận và tư tưởng cho Nhà nước dân chủ pháp quyền Việt Nam mà còn thực hành, hiện thực hóa tư tưởng đó trong thực tiễn cuộc sống, vì Độc lập - Tự do - Hạnh phúc của toàn dân.

3. Những đặc trưng của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nhà nước và Pháp luật Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức và dày công xây dựng có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản với tư cách là Đảng cầm quyền, duy nhất cầm quyền ở Việt Nam.

Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng Cộng sản chính thức ở vào vị thế Đảng cầm quyền. Trong hoàn cảnh lịch sử đặc thù sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, trước yêu cầu sinh tử của việc giữ vững độc lập chủ quyền, trong bối cảnh tồn tại nhiều đảng phái và tương quan lực lượng không cân sức, thù trong giặc ngoài, để bảo toàn lực lượng và trù tính sự nghiệp lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản tuyên bố giải tán Đảng. Đó là sách lược sáng suốt, đúng đắn rút lui Đảng vào bí mật, không hoạt động công khai nhưng xét về thực chất, Đảng vẫn cầm quyền, vẫn lãnh đạo Nhà nước. Sau Đại hội II (năm 1951), Đảng hoạt động công khai trở lại, tuy vẫn tồn tại hai Đảng khác (Dân chủ và Xã hội) nhưng đó là những Đảng thành viên trong Mặt trận dân tộc thống nhất và công nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tự *thừa nhận* chịu sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Cả hai Đảng này, đến năm 1989, trong buổi đầu của công cuộc đổi mới, tại Đại hội cuối cùng mới tuyên bố chấm dứt hoạt động vì đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, phấn đấu cho độc lập dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, trao lại sứ mệnh này cho Mặt trận. Từ đó trở đi, Việt Nam mới

tồn tại thể chế một Đảng và là Đảng duy nhất cầm quyền. Đảng lãnh đạo Mặt trận để thi hành nhất quán đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc và lãnh đạo Nhà nước *thể chế hóa* tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách của Nhà nước. Nhà nước thực thi thẩm quyền, trách nhiệm quản lý đất nước theo lý tưởng, mục tiêu và các định hướng phát triển xã hội do Đảng vạch ra. Đó là Nhà nước thực thi quyền lực nhân dân, xây dựng nền dân chủ đảm bảo tất cả mọi quyền lực nhà nước và xã hội đều thuộc về Nhân dân, do Nhân dân làm chủ.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trở thành mối quan hệ chính trị - pháp lý rộng lớn nhất quy định chức năng, thẩm quyền, vai trò, trách nhiệm của các đồng chủ thể trong xã hội Việt Nam, cùng phấn đấu theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 220). Mối quan hệ tổng quát đó chi phối các quan hệ lớn khác, phản ánh *quy luật và tính quy luật phát triển* của Việt Nam trong xã hội hiện đại và đương đại (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015).

Đặc điểm hay đặc trưng này là quan điểm chính trị trong xây dựng Nhà nước và Pháp luật.

Hai là, Nhà nước và Pháp luật Việt Nam là *hình thức tổ chức và điều kiện đảm bảo* cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Dân chủ là bản chất, mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội, của đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Dân chủ cũng là đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước, của nền pháp luật mà Nhân dân Việt Nam xây dựng, tổ chức lên, trong đó Nhân dân mà nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí thức và đại đoàn kết là sức mạnh quy tụ toàn dân tộc, bao hàm cả dân tộc và tôn giáo... là *chủ thể* và cũng là *mục tiêu* của dân chủ, của Nhà nước phục vụ dân sinh, cho nên chức năng

xã hội của Nhà nước ngày một mở rộng, tương thích với mở rộng *dân chủ trực tiếp* và pháp luật là công cụ quan trọng bậc nhất của quản lý trong Nhà nước pháp quyền. Pháp luật là tối thượng, pháp quyền đòi hỏi phải thượng tôn pháp luật, trong Nhà nước và trong xã hội muốn thực hiện dân chủ và thể hiện quyền lực nhân dân thì xã hội phải tổ chức thành nhà nước theo các chuẩn mực dân chủ, đồng thời pháp luật phải trở thành công cụ phổ biến để vận hành bộ máy nhà nước, chống quan liêu và bảo vệ dân chủ - “của quý báu nhất trên đời của dân” như Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định.

Dân chủ và quyền dân chủ của công dân, của Nhà nước vận động trong hành lang của pháp luật dân chủ. Pháp luật trở thành điều kiện và giới hạn của dân chủ, đảm bảo cho xã hội có tổ chức, không rơi vào tự phát và hỗn loạn của tình trạng vô chính phủ, cũng như dân chủ tập trung là cần thiết, tất yếu để không biến thành tập trung quan liêu trong quản lý.

Nói rõ yêu cầu này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh cả dân chủ và pháp luật, kỷ luật và kỷ cương, quyền hạn và nghĩa vụ, bốn phạm và trách nhiệm.

Nhà nước và Pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh được xây dựng, tổ chức và hoạt động thành ra pháp quyền và dân chủ. Đó là Nhà nước dân chủ pháp quyền, phục vụ và bảo vệ dân, phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp cũng như cộng đồng xã hội. *Tính pháp lý gắn liền với tính nhân văn, tính dân tộc, tính nhân dân* không chỉ là đặc trưng của dân chủ, của pháp luật mà còn là đặc trưng của Nhà nước.

Ba là, thực thi vai trò và sứ mệnh quản lý, Nhà nước Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm quản lý toàn diện ứng với nội dung toàn diện của dân chủ và dân chủ hóa ở Việt Nam.

Tập trung vào bốn lĩnh vực chủ yếu là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó cũng là

các lĩnh vực của dân chủ và dân chủ hóa, thể hiện trong các mối quan hệ giữa con người với con người, với công việc và tổ chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, đời sống có bốn mặt chủ yếu ngang nhau, không tách rời nhau, không xem nhẹ một mặt nào.

Dù không trực tiếp đề cập tới lĩnh vực *môi trường* nhưng tư tưởng và hoạt động thực tiễn rất phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều tỏ rõ, môi trường (cả môi trường tự nhiên - sinh thái lẫn môi trường xã hội - nhân văn) là một nội dung cấu thành của tổ chức và hoạt động nhà nước.

Bốn là, Nhà nước pháp quyền dân chủ trong logic tư tưởng và tổ chức hoạt động của nó trước hết phải là *Nhà nước của dân*. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất thuộc về bản chất và mục tiêu của Nhà nước. Dân là chủ và dân làm chủ là định nghĩa điển hình nhất về dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là tuyên bố *dân là chủ nhà nước của mình*. Muốn vậy phải có dân chủ đầy đủ và thực chất, dân là chủ thể chính trị, chủ thể pháp lý cao nhất đối với Nhà nước, trao quyền, ủy quyền cho Nhà nước, đồng thời kiểm soát quyền lực nhà nước. *Do dân* là phương thức tổ chức, là lực lượng tổ chức qua thể chế *bầu, bãi miễn, miễn nhiệm* của dân thông qua các đại biểu của dân (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát). *Vì dân* là mục đích tối cao của Nhà nước, lấy sự hài lòng, sự tín nhiệm, sự tin cậy của dân đối với Nhà nước làm thước đo quản lý, quản trị. Đây cũng là phẩm tính nhân nghĩa của Nhà nước Việt Nam, tạo nên pháp quyền nhân nghĩa.

Năm là, nếu dân chủ là linh hồn của Nhà nước, *pháp luật* tạo sinh khí của Nhà nước thì *công chức* là người thể hiện, thực hiện, thi hành công vụ nhà nước mà mệnh lệnh tối cao là của dân, do dân kiểm soát. Đội ngũ công chức trong các tổ chức, cơ quan công quyền vì dân *phải thạo chính trị, giỏi chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán* với công việc, chức phận để làm tròn trách nhiệm, phục

vụ dân. Từ Chủ tịch nước trở xuống đến nhân viên, người phục vụ đều là đầy tớ công bộc của dân.

Với công chức và người của Nhà nước nói chung phải luôn đề cao và thực hiện “đi công vi thượng”, “quang minh chính đại”, “phụng công thủ pháp” và “tinh thành đoàn kết”, “kính trên lễ phép với nhân dân”.

Với công dân và nhân dân, phải đề cao trách nhiệm, bổn phận kiểm soát nhà nước, thực hiện nghĩa vụ của người chủ. Chống quan liêu, tham nhũng là trách nhiệm không chỉ từ phía Đảng, Nhà nước mà còn từ phía người dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo: “Quan tham là vì dân đại. Nếu dân khôn ngoan thì quan có muốn tham cũng không tham nổi” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 6, 2011: 127). Người còn nói rõ, nếu dân nêu cao trách nhiệm giám sát, kiểm soát đối với tổ chức nhà nước, hành vi công chức chặt chẽ, thường xuyên, cùng với đề cao sức mạnh của dư luận xã hội trong phê phán và lên án cái xấu, cái tham, cái ác... thì quan dù không liêm cũng phải hóa ra liêm. Qua đó cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất thực tế, duy lý, tinh táo, không hề lý tưởng hóa Nhà nước và công chức. Người biết rõ mọi chứng bệnh của Nhà nước và luôn đề cao các biện pháp mạnh để xử lý, răn đe, trừng trị trên nền tảng của giáo dục, khoan dung nhưng nghiêm khắc. Người tỏ rõ thái độ quyết liệt, trừng trị cái ác để bảo vệ cái thiện, phải giết bỏ những sâu mọt để cứu lấy cả cánh rừng xanh tốt - đó là Dân. Khi trả lời phỏng vấn “Chủ tịch ghét điều gì nhất?”, Người trả lời “Điều ác”; “Chủ tịch yêu điều gì nhất?”, Người trả lời “Điều thiện”¹.

Tây sạch quan liêu, tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân là tây sạch cái ác lớn nhất. Tăng cường đạo đức cách mạng, nâng cao trách nhiệm, kỷ cương là tăng cường sức mạnh của cái thiện lớn nhất trong Dân.

¹ Xem: Hồ Chí Minh, *Đường Cách mệnh*, 1927.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là nhà giáo dục lỗi lạc, dày công giáo dục, thức tỉnh con người, nhất là cán bộ, đảng viên, công chức phải nêu cao dũng khí, can đảm nhận lỗi, sửa lỗi, nêu cao lòng tự trọng, danh dự, lương tâm, nhân phẩm làm người để “chớ có kiêu ngạo”, “kiêu căng”, “chớ có nịnh hót”, “chớ có keo kiệt bủn xỉn” và “chớ có tham lam”, phải biết rằng lãng phí, tham ô, tham nhũng là tội ác, và lòng tham, tính tham là rất đáng xấu hổ². Tổng hợp tất cả những việc nên làm, cần làm đó để Nhà nước trong sạch, Chính phủ liêm chính, công chức gương mẫu, “đoàn kết và thanh khiết”³ và Nhân dân được hưởng quyền tự do, hạnh phúc.

Tư tưởng và di sản Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật nêu trên đang rất cần phải vận dụng, phát triển sáng tạo để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền - dân chủ ở Việt Nam hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh, *Đường Cách mệnh*, 1927.
4. Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, ngày 02/9/1945.
5. Hồ Chí Minh (bút danh Tân Sinh), *Đời sống mới*, tháng 3/1947.
6. *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
7. “Văn hóa ứng xử và đạo lý làm người”, *Văn nghệ*, ngày 17/5/1997.

² Xem: “Văn hóa ứng xử và đạo lý làm người”, *Văn nghệ*, ngày 17/5/1997.

³ Xem: Hồ Chí Minh (bút danh Tân Sinh), *Đời sống mới*, tháng 3/1947.